

Bản án số: 328/2023/HC-PT

Ngày: 13/9/2023

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính  
và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Hợp

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Đức Kiên

Ông Đinh Phước Hòa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 145/2023/TLPT-HC ngày 03 tháng 7 năm 2023 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2023/HC-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3136/2023/QĐPT-HC ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn L, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định. Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Công T. Địa chỉ: Số D, L, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt

- Người bị kiện: Chủ tịch và UBND thị xã H, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí C - Phó Chủ tịch. Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chủ tịch và Ủy ban nhân dân phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành T1 - Chủ tịch. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện bà Nguyễn Thị N và đại diện theo ủy quyền ông Lê Công T trình bày:

Nguồn gốc thửa đất 750, tờ bản đồ số 17, (Bản đồ VN-2000) diện tích 1279m<sup>2</sup> là của ông Nguyễn N1 và bà Nguyễn Thị H (ông bà nội) của bà, có 04 thửa nhỏ đều có trích lục từ chế độ pháp thuộc năm 1936, tên xứ: Sơn C1, bản đồ số 01 để lại cho cha mẹ và Bác bà canh tác, năm 1975, khi thống nhất đất đai trong cả nước, thực hiện Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980, khi đó đạt thành thửa đất 750, tờ bản đồ số 17, (Bản đồ VN-2000) diện tích 1279m<sup>2</sup> thì thửa đất này không có giấy tờ; nay tục danh là “Gò Cốc”, của cha mẹ bà, canh tác từ những năm kháng chiến chống pháp (1946-1947), mẹ bà vẫn trụ ở quê hương canh tác đến ngày giải phóng và không vào hợp tác xã (giấy xác nhận của ông Nguyễn Hữu V nguyên chủ nhiệm HTXNN 1 Hoài Hảo 1979-1987), hiện còn những ngôi mộ của người thân trong gia đình, đến năm 1983, khi bà có gia đình, bà Đào Thị L (mẹ bà) giao cho bà bằng miệng không có giấy tờ cho nên bà sử dụng thửa đất trồng cây lâu năm, liên tục, ổn định lâu dài và thu huê lợi, để chăm lo mồ mã, giỗ chạp cho ông bà và cha bà, đất này cha bà canh tác trước ngày giải phóng hơn 25 năm, tiếp đến bà sử dụng ổn định, lâu dài đã 38 năm, không có tranh chấp, bà vẫn giữ nguyên mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm. Năm 1997, Nhà nước tiến hành đo đạc lại về sự biến động của diện tích đất đều mang tên mẹ bà là Đào Thị L, 3 thửa đất còn lại mang tên Nguyễn Tiến T2 là anh con bác của bà. Ngày 01/11/2017, bà làm đơn đứng tên xin cấp GCNQSDĐ. CNVPĐKĐĐ thị xã H đo đạc theo sổ bộ còn lưu, trong trích lục bản đồ địa chính thửa đất ngày 26/12/2017 ghi tên bà Đào Thị L có lúc nói đề tên bà N và kéo dài đến tháng 7/2019, khi CNVPĐKĐĐ thị xã H đo đạc, trong trích lục bản đồ địa chính thửa đất ngày 18/7/2019 ghi tên bà Nguyễn Thị N và bảo bà đứng đơn tên bà N, vì bà Đào Thị L mẹ bà canh tác từ trước 1975, tại phiếu lấy ý kiến nhân dân và Thông báo số 89/TB-UBND ngày 05/9/2019, UBND phường H xác nhận đất, đứng tên bà Nguyễn Thị N ổn định lâu dài, không tranh chấp đất sử dụng trước năm 1975, không nói đất lấn chiếm. Căn cứ quy định tại Điều 101 Luật đất đai năm 2013 quy định về cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về QSDĐ tại khoản 3, khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP. Đồng thời đối chiếu Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai năm 2013 quy định các trường hợp không cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về QSDĐ đối với thửa đất nói trên.

Về hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ: Phiếu lấy ý kiến nhân dân - Danh sách công khai số 82/DSTB-UBND ngày 19/8/2019 của UBND xã H (nay là phường H), Thông báo số 89/TB-UBND ngày 05/9/2019 UBND phường xác nhận đất của bà Nguyễn Thị N ổn định lâu dài, không tranh chấp, đất sử dụng trước năm 1975 và biên bản thống nhất hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ ngày 15/01/2020 của UBND phường H, có chữ ký, điểm chỉ của mẹ, các chị em trong gia đình bà đều ký và điểm chỉ thống nhất cho bà N sử dụng không có bất cứ tranh chấp nào về nội dung đã thống nhất và hồ sơ trên theo đúng quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP. Bà N nộp hồ sơ được Cơ quan Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H tiếp nhận cấp giấy hẹn trả Kết quả số 3279/TNHS ngày 14/02/2020, thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ sáng ngày

26/3/2020, sau một thời gian trễ hẹn: Ngày 16/11/2020, UBND phường H mời bà N đến lập biên bản VPHC về lĩnh vực đất đai và nói không xử phạt VPHC thì không cấp GCNQSDĐ. Bà N không đồng ý XPHC, không ký biên bản, ngày 13/5/2021 UBND phường H mời bà N làm việc trong biên bản làm việc yêu cầu bổ sung các giấy tờ để chứng minh đất do cha mẹ để lại của thửa đất nói trên, vì đất không có giấy tờ cho nên UBND phường H đã có biên bản việc thống nhất hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ ngày 15/01/2020, nộp trong hồ sơ đăng ký xin cấp GCNQSDĐ, CNVPĐKĐĐ đã chấp nhận, nay lại yêu cầu gì nữa. Thế rồi cứ 20 - 30 ngày UBND phường H mời bà N làm việc liên tục đến ngày 22/7/2021 thế buộc bà N chịu ký biên bản làm việc và biên bản làm việc ngày 28/7/2021, UBND phường H không giao cho bà N một biên bản theo quy định, các biên bản làm việc không phải biên bản VPHC theo quy định pháp luật XPVPHC, còn biên bản VPHC về lĩnh vực đất đai số 07/BB-VPHC, ngày 29/07/2021 UBND phường H hay Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã H lập biên bản XPVPHC của ai? Không có chủ thể, việc lập biên bản để xác định thẩm quyền XLVPHC và không giao cho bà N 01 biên bản nói trên là không đúng quy định pháp luật XPVPHC. Cho thấy, UBND phường H, làm ngược lại và lợi dụng thiếu hiểu biết, hạn chế về nhận thức pháp luật của dân, sau lừa bà N đưa bà N xem GCNQSDĐ và nói “Bà ký vào biên bản thì trình lãnh đạo ký, nếu không thì hủy...”, không nói phạt bao nhiêu tiền? Và nói phạt có tính hình thức phạt, bà N mới ký biên bản làm việc ngày 22/7/2021, còn biên bản VPHC số 07/BB-VPHC nói trên bà N không biết, không ký và không giao cho bà N 01 biên bản theo quy định.

Về thời hạn, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai là 02 năm: Giả sử cho rằng đất lấn chiếm thì theo quy định pháp luật hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (là 02 năm). Tuy nhiên, tại điểm b khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP quy định về thời hiệu “...thì thời hiệu được tính từ thời điểm người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm” bởi các lẽ sau:

Một là: Nếu thời hiệu được tính, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 91/2019 được tính từ thời điểm người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm (tháng 7/2021), là không đúng, bởi vì: Năm 2010 việc mở đường giao thông, UBND phường H (lúc đó xã H) mời bà N cùng bà H1 (em bà N) xuống thông báo việc thu hồi gần 200m<sup>2</sup> đất của thửa đất nói trên, Nhà nước không đền bù vì đất không có giấy tờ, chỉ đền bù vật kiến trúc, cây lâu năm cho bà H1 (em bà N) vì làm đơn kê khai cây trồng trên 200m<sup>2</sup> là do bà H1 trồng nên bà H1 nhận tiền đền bù. Ngày 01/11/2017, bà đã làm đơn xin cấp GCNQSDĐ như trình bày trên trong bản mô tả, ranh giới, mốc giới thửa đất và trích lục bản đồ địa chính thửa đất của CNVPĐKĐĐ ngày 25/11/2017, có bà Hồ Ngọc N2 - Công chức địa chính phường H ký vào biên bản làm việc của UBND phường H ngày 29/11/2017 đối với bà, thì thời điểm đó UBND phường H đã phát hiện sao không lập biên bản. “Biên bản làm việc ngày 29/11/2017 của UBND phường H hướng dẫn bà làm thủ tục cấp GCNQSDĐ và bản mô tả, ranh giới thửa đất và trích lục bản đồ địa chính thửa đất ngày 25/11/2017 và 26/12/2017 của chi nhánh V1...”.

Hai là: Trong phiếu lấy ý kiến nhân dân và Thông báo số 89/TB-UBND ngày 05/9/2019 UBND phường xác nhận đất của bà ổn định lâu dài, không tranh chấp, đất sử dụng trước năm 1975, không nói gì về đất lấn chiếm và năm 1983 mẹ bà giao cho bà canh tác, tại biên bản việc thống nhất hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ ngày 15/01/2020 của UBND phường H là đất không có giấy tờ. Sau đó UBND phường H lật ngược lại vấn đề, quy tội bà lấn chiếm đất chưa sử dụng, lập biên bản vi phạm hành chính cho rằng bà tự ý lấn chiếm sử dụng một phần thửa đất nói trên, đề Chủ tịch UBND thị xã H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nói trên, thời điểm lấn chiếm từ năm 1983 thì chưa có Luật đất đai, đến tháng 12/1987 Quốc hội mới thông qua Luật đất đai 1987, thì bà sử dụng đúng mục đích đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm), liên tục ổn định lâu dài, không tranh chấp, đến nay 38 năm là đất không có giấy tờ. Về hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về QSDĐ. Trong khi đó pháp luật đất đai năm 2013 và pháp luật khác không có văn bản pháp luật nào quy định, khi cấp GCNQSDĐ, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về QSDĐ, xử phạt hành chính trước khi cấp GCNQSDĐ.

Ba là: Nghị định số 91/2019 ban hành căn cứ Luật đất đai năm 2013 thì thời hiệu XPVPHC trong lĩnh vực quản lý đất đai theo điểm b khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP quy định về tính thời hiệu xử phạt, thì thời hiệu đó được tính đến ngày 01/7/2014, Luật đất đai năm 2013 có hiệu lực không thể hồi tố đến các Luật đất đai trước đó hoặc đến tận năm 1983; trong khi đó Quyết định XPVPHC số 10651/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch UBND thị xã H thực hiện hồi tố pháp luật XPVPHC xuyên 02 thế kỷ.

Về tính pháp lý giải quyết vụ việc khiếu kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND thị xã H nói trên.

Sau khi Chủ tịch UBND thị xã H không giải quyết khiếu nại lần đầu về Quyết định XPVPHC nói trên, ngày 05/12/2021 bà gửi đơn khởi kiện Chủ tịch UBND thị xã H về việc Quyết định XPVPHC nói trên, ngày 06/01/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã thụ lý vụ án hành chính số 02/2022/TLST-HC về “Khiếu kiện quyết định XPVPHC trong lĩnh vực quản lý đất đai”, trong khi Tòa án đang thụ lý Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã H gọi điện và gửi giấy mời bà làm việc vào lúc 08 giờ ngày 18/01/2022, bà báo không đến chờ Tòa án giải quyết, chiều ngày 18/01/2022 Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã H gọi điện mời bà chiều ngày 19/01/2022 đến Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã H làm việc để cấp GCNQSDĐ và vợ chồng bà đến Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã H nói với bà chịu XPVPHC mức 40.000.000 đồng, nay bỏ không thu khoản lợi bất hợp pháp hơn 121.000.000 đồng thì mới được cấp GCNQSDĐ, nếu không phạt hành chính thì khó cấp GCNQSDĐ, nếu bà nộp phạt thì lập biên bản thì cấp sổ cho bà, với tính sự thật từ năm 2017 đến nay hơn 04 năm không làm được GCNQSDĐ và thiếu hiểu biết về pháp luật, bà ký biên bản ngày 19/01/2022, trong biên bản thay đổi thời gian vi phạm năm 2011, ghi thêm nhiều nội dung bất hợp lý và nói rằng để hợp lý UBND mới ký, khi có sổ bà mới rút đơn kiện, đến ngày 24/12 bà đến hỏi Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường

thị xã H trả lời các ngành nhất trí hết rồi, khi có Quyết định XPVPHC của UBND thị xã H, ông bà đến nộp tiền thì hôm sau có sổ, đến sau Tết bà đến hỏi thì nói hiện nay UBND yêu cầu làm rõ lý do sao mức phạt lại thấp còn 45.000.000 đồng, trách nhiệm thuộc về ai? Cho nên chưa được làm. Qua đó, cho thấy việc Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã H vừa lừa, hù dọa dân, vừa quy chụp, đổ lỗi cho dân mà che dấu sự việc tham mưu trái luật dẫn đến Chủ tịch UBND thị xã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nói trên không đúng pháp luật. Như vậy, các vấn đề trên về một phần thửa đất số 750, tờ bản đồ số 17-VN 2000 có nguồn gốc từ trước năm 1975 nhưng đến năm 1983 tôi sử dụng đến nay liên tục, ổn định lâu dài, không tranh chấp là đất không có giấy tờ, theo Điều 101 Luật đất đai năm 2013; pháp luật đất đai năm 2013 và pháp luật khác không có văn bản pháp luật nào quy định, khi cấp GCNQSDĐ, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về QSDĐ xử phạt vi phạm hành chính trước khi cấp GCNQSDĐ. Thế mà Chủ tịch UBND thị xã H ra Quyết định XPVPHC số 10651/QĐ-XPVPHC đã thực hiện hồi tố pháp luật, XPVPHC xuyên 02 thể kỷ là không đúng quy định. Về hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và Quyết định XPVPHC số 10651/QĐ-XPVPHC ngày 05/8/2021, xử phạt vi phạm hành chính nói trên, không đúng quy trình pháp luật XLVPHC, quy buộc lỗi VP để XLVPHC cho bà, bà không có hành vi lấn chiếm đất, không chuyển mục đích sử dụng đất khác thì không có hành vi VPHC do pháp luật quy định, thì không thể xử phạt VPHC trong lĩnh vực quản lý đất đai. Ngày 19/01/2022, Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã H mời bà đến làm việc vừa lừa, hù dọa dân, vừa quy chụp, đổ lỗi cho dân thể hiện tại biên bản ngày 19/01/2022; về nội dung xác minh, bịa đặt để Chủ tịch UBND thị xã H ban hành Quyết định XPVPHC mới, thay Quyết định XPVPHC số 10651/QĐ-XPVPHC ngày 05/8/2021 để tránh Tòa án khởi tuyên hủy Quyết định XPVPHC số 10651/QĐ-XPVPHC ngày 05/8/2021.

Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10651/QĐ-XPVPHC ngày 05/8/2021 của Chủ tịch UBND thị xã H đối với bà Nguyễn Thị N và buộc UBND thị xã H cấp GCNQSDĐ về thửa đất số 750, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.087,9m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố P, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định cho bà Nguyễn Thị N.

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính người khởi kiện còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, người khởi kiện không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác mà không có yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thị xã H và Chủ tịch UBND thị xã H ông Nguyễn Chí C – Phó Chủ tịch trình bày:

Quá trình kê khai, đăng ký, quản lý, sử dụng một phần thửa đất số 750, tờ bản đồ số 17 (Bản đồ VN-2000), phường H: Theo hồ sơ địa chính năm 1983 phần diện tích đất bà Nguyễn Thị N đề nghị cấp GCNQSDĐ, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất không đo đạc, giải thửa, thể hiện đất đồi núi. Theo hồ sơ địa chính năm 1997: Phần diện tích đất trên thể hiện tại một phần thửa đất số 358A, tờ bản đồ số 07, diện tích 4.300m<sup>2</sup>, loại đất hoang (Hg). Sổ mục kê ghi:

UBND xã. Theo hồ sơ địa chính hệ tọa độ VN 2000, thuộc một phần thửa đất số 750, tờ bản đồ số 17, diện tích 4.261,9m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm, sổ mục kê ghi: UBND xã. Theo báo cáo của UBND phường H: Một phần thửa đất số 750, tờ bản đồ số 17 (Bản đồ VN-2000) có nguồn gốc trước đây do cha mẹ bà Nguyễn Thị N canh tác trồng khoai mỳ, khoai lang. Đến khoảng năm 1979, Lâm trường Hoài Nhơn trồng cây Điều trên đất tại khu vực có tục danh Gò Cốc nhưng Lâm trường quản lý đất và cây Điều không hiệu quả. Do đó, Lâm trường Hoài Nhơn bàn giao lại đất cho Hợp tác xã N3 lập thủ tục thanh lý cây Điều trên đất do Hợp tác xã quản lý không hiệu quả và cần nguồn kinh phí để trả nợ đầu tư xây dựng cơ bản. Đến khoảng năm 1994 - 1995, tiến hành thanh lý cây Điều trên đất cho các hộ dân, ưu tiên cho những hộ gia đình có nguồn gốc đất trước đây. Khu vực nêu trên (trong đó có đất bà Nguyễn Thị N đang đề nghị cấp GCNQSDĐ) tại thời điểm năm 1993 là khu vực có độ dốc, canh tác không thuận lợi. Do đó, khi cân đối giao quyền thì vị trí nêu trên không đưa vào cân đối giao quyền cho các hộ gia đình, cá nhân mà do UBND xã H (nay là UBND phường H) quản lý. Tại thời điểm năm 1993, khu vực nêu trên chưa được đo đạc, giải thửa còn tồn tại cây Điều trên đất. Do đó, Hợp tác xã N3 mới thanh lý cây Điều trên đất cho các hộ dân. Thời điểm khoảng năm 2009 - 2010, UBND tỉnh thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư để đầu tư công trình đường P tỉnh Bình Định (A - H), nay là đường H, khu vực nêu trên (trong đó có thửa đất bà Nguyễn Thị N đang đề nghị cấp GCNQSDĐ) là đất do UBND xã H (nay là UBND phường H) quản lý. Do đó, chỉ bồi thường về cây cối, hoa màu trên đất, không bồi thường về đất.

Quá trình giải quyết hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của bà Nguyễn Thị N và ông Bành Trọng Đ: Ngày 27/7/2021, bà Nguyễn Thị N và ông Bành Trọng Đ có đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ tại một phần thửa đất số 750 (ký hiệu mới 1115), tờ bản đồ số 17 (Bản đồ VN-2000), phường H, diện tích 1.087,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm. Nguồn gốc sử dụng đất do bà tự kê khai: Đất UBND phường quản lý, cha mẹ bà Nguyễn Thị N chiếm sử dụng trước năm 1983. Đến năm 1983 tặng cho vợ chồng bà Nguyễn Thị N bằng miệng không có giấy tờ cho. Từ thời điểm năm 1983, vợ chồng bà N tiếp tục chiếm đất để trồng cây lâu năm. Ngày 28/7/2021, UBND phường H làm việc với bà Nguyễn Thị N xác định nguồn gốc thửa đất mà hiện nay bà xin cấp GCNQSDĐ là do cha mẹ bà chiếm đất trồng cây lâu năm do UBND phường H quản lý trước năm 1983. Sau đó tặng cho vợ chồng bà bằng miệng không có giấy tờ cho bà vào năm 1983. Từ thời điểm năm 1983, vợ chồng bà tiếp tục chiếm phần diện tích 1.087,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm do UBND phường H quản lý tại một phần thửa đất số 750, tờ bản đồ số 17 (Bản đồ VN-2000), phường H để trồng cây lâu năm, sử dụng ổn định, không tranh chấp. Bà Nguyễn Thị N thống nhất việc đã thực hiện hành vi vi phạm nêu trên và thống nhất nộp phạt theo quy định của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Thực hiện Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và Văn bản số 357/UBND-TNMT ngày 21/7/2020 của UBND thị xã H về việc xử lý các hành vi lấn, chiếm, sử dụng đất sai mục đích trên địa bàn thị xã. Ngày 29/7/2021, Chủ tịch UBND phường H lập biên bản vi phạm hành chính đối với

bà Nguyễn Thị N về hành vi chiếm 1.087,9m<sup>2</sup> đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm) do UBND phường H quản lý tại một phần thửa đất số 750, tờ bản đồ số 17 (Bản đồ VN-2000) để trồng cây lâu năm bà Nguyễn Thị N thống nhất với nội dung biên bản vi phạm hành chính trên. Ngày 05/8/2021, Chủ tịch UBND thị xã đã ban hành Quyết định số 10651/QĐ-UBND về việc xử phạt vi phạm hành vi hành chính đối với bà Nguyễn Thị N về hành vi vi phạm nêu trên. Không thống nhất với Quyết định trên ngày 16/8/2021 bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu khiếu nại. Ngày 04/10/2021, UBND thị xã H có Thông báo số 2490/TB-UBND về việc thụ lý khiếu nại (lần đầu) của bà Nguyễn Thị N. Tuy nhiên, sau đó bà Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 10651/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của Chủ tịch UBND thị xã đã ban hành về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị N và đã được Tòa nhân dân tỉnh Bình Định thụ lý số 02/2022/TBTL-HC ngày 06/01/2022. Nay bà Nguyễn Thị N có đơn khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chủ tịch UBND phường H và UBND phường H do ông Nguyễn Thành T1 – Chủ tịch UBND phường H trình bày:

Quá trình kê khai, đăng ký, quản lý, sử dụng một phần thửa đất số 750, tờ bản đồ số 17 (Bản đồ VN-2000), phường H: Theo hồ sơ địa chính năm 1983 phần diện tích đất bà Nguyễn Thị N đề nghị cấp GCNQSDĐ, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất không đo đạc, giải thửa, thể hiện đất đồi núi. Theo hồ sơ địa chính năm 1997 phần diện tích đất trên thể hiện tại một phần thửa đất số 358A, tờ bản đồ số 07, diện tích 4.300m<sup>2</sup>, loại đất hoang (H), sổ mục kê ghi: UBND xã. Theo hồ sơ địa chính hệ tọa độ VN 2000, thuộc một phần thửa đất số 750, tờ bản đồ số 17, diện tích 4.261,9m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm, sổ mục kê ghi: UBND xã. Thửa đất bà Nguyễn Thị N đề nghị cấp GCNQSDĐ thuộc một phần thửa đất số 750, tờ bản đồ số 17 (Bản đồ VN-2000) có nguồn gốc trước đây do cha mẹ bà Nguyễn Thị N canh tác trồng khoai mỳ, khoai lang. Đến khoảng năm 1979, Lâm trường Hoài Nhơn trồng cây Điều trên đất tại khu vực có tục danh Gò Cốc nhưng Lâm trường quản lý đất và cây Điều không hiệu quả. Do đó, Lâm trường Hoài Nhơn bàn giao lại đất cho Hợp tác xã N3 lập thủ tục thanh lý cây Điều trên đất do Hợp tác xã quản lý không hiệu quả và cần nguồn kinh phí để trả nợ đầu tư xây dựng cơ bản. Đến khoảng năm 1994 - 1995, tiến hành thanh lý cây Điều trên đất cho các hộ dân, ưu tiên cho những hộ gia đình có nguồn gốc đất trước đây. Khu vực nêu trên (trong đó có đất bà Nguyễn Thị N đang đề nghị cấp GCNQSDĐ) tại thời điểm năm 1993 là khu vực có độ dốc, canh tác không thuận lợi. Do đó, khi cân đối giao quyền thì vị trí nêu trên không đưa vào cân đối giao quyền cho các hộ gia đình, cá nhân mà do UBND xã H (nay là UBND phường H) quản lý. Tại thời điểm năm 1993, khu vực nêu trên chưa được đo đạc, giải thửa còn tồn tại cây Điều trên đất. Do đó, Hợp tác xã N3 mới thanh lý cây Điều trên đất cho các hộ dân. Thời điểm khoảng năm 2009 - 2010, UBND tỉnh thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư để đầu tư công trình đường phía tây tỉnh Bình Định (A - H), nay là đường H, khu vực nêu trên (trong đó có thửa đất bà Nguyễn Thị N đang đề nghị cấp GCNQSDĐ) là đất do UBND xã H (nay là UBND phường H) quản lý. Do

đó, chỉ bồi thường về cây cối, hoa màu trên đất, không bồi thường về đất. Nhưng khi bồi thường là do bà H1 (em bà N) kê khai nên tiền bồi thường do bà H1 ký nhận tiền.

Quá trình giải quyết hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của bà Nguyễn Thị N và ông Bành Trọng Đ: Ngày 27/7/2021, bà Nguyễn Thị N và ông Bành Trọng Đ có đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ tại một phần thửa đất số 750 (ký hiệu mới 1115), tờ bản đồ số 17 (Bản đồ VN-2000), phường H, diện tích 1.087,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm. Nguồn gốc sử dụng đất do bà tự kê khai: Đất UBND phường quản lý, cha mẹ bà Nguyễn Thị N chiếm sử dụng trước năm 1983. Đến năm 1983 tặng cho vợ chồng bà Nguyễn Thị N bằng miệng không có giấy tờ cho. Từ thời điểm năm 1983, vợ chồng bà N tiếp tục chiếm đất để trồng cây lâu năm. Ngày 28/7/2021, UBND phường H làm việc với bà Nguyễn Thị N xác định nguồn gốc thửa đất mà hiện nay bà xin cấp GCNQSDĐ là do cha mẹ bà chiếm đất trồng cây lâu năm do UBND phường H quản lý trước năm 1983. Sau đó tặng cho vợ chồng bà vào năm 1983. Từ thời điểm năm 1983, vợ chồng bà tiếp tục chiếm phần diện tích 1.087,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm do UBND phường H quản lý tại một phần thửa đất số 750, tờ bản đồ số 17 (Bản đồ VN-2000), phường H để trồng cây lâu năm, sử dụng ổn định, không tranh chấp. Bà Nguyễn Thị N thống nhất việc đã thực hiện hành vi vi phạm nêu trên và thống nhất nộp phạt theo quy định của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Thực hiện Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và Văn bản số 357/UBND-TNMT ngày 21/7/2020 của UBND thị xã H về việc xử lý các hành vi lấn, chiếm, sử dụng đất sai mục đích trên địa bàn thị xã. Ngày 29/7/2021, Chủ tịch UBND phường H lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị N về hành vi chiếm 1.087,9m<sup>2</sup> đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm) do UBND phường H quản lý tại một phần thửa đất số 750, tờ bản đồ số 17 (Bản đồ VN-2000) để trồng cây lâu năm bà Nguyễn Thị N thống nhất với nội dung biên bản vi phạm hành chính trên. Ngày 05/8/2021, Chủ tịch UBND thị xã đã ban hành Quyết định số 10651/QĐ-UBND về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị N về hành vi vi phạm nêu trên. Sau khi nhận được Quyết định trên ngày 16/8/2021 bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu khiếu nại. Ngày 04/10/2021, UBND thị xã H có Thông báo số 2490/TB-UBND về việc thụ lý khiếu nại (lần đầu) của bà Nguyễn Thị N. Tuy nhiên, sau đó bà Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 10651/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của Chủ tịch UBND thị xã đã ban hành về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị N và đã được Tòa nhân dân tỉnh Bình Định thụ lý số 02/2022/TBTL-HC ngày 06/10/2022. Nay bà Nguyễn Thị N có đơn khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2023/HC-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

- Căn cứ quy định tại các Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 157; Điều 158; khoản 1 điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;



- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003; Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2020; Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Căn cứ quy định tại Điều 29 Luật tổ tụng hành chính; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10651/QĐ-XPVPHC ngày 05/8/2021 của Chủ tịch UBND thị xã H đối với bà Nguyễn Thị N và buộc UBND thị xã H cấp GCNQSDĐ về thửa đất số 750, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.087,9m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố P, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định cho bà Nguyễn Thị N.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/5/2023, người khởi kiện bà Nguyễn Thị N kháng cáo với nội dung đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, xem xét quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện đúng thủ tục và trong thời hạn nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xét về thời hiệu, thời hạn, hình thức, trình tự, thủ tục của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10651/QĐ-XPVPHC ngày 05/8/2021 là phù hợp với quy định tại Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003; Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2010; Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

[2.2] Xét về thẩm quyền của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10651/QĐ-XPVPHC ngày 05/8/2021 là phù hợp với quy định tại Luật tổ chức

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003; Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2020; Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thì ông Nguyễn Chí C – Phó Chủ tịch UBND thị xã H, tỉnh Bình Định (theo lĩnh vực được phân công, ủy quyền thường xuyên) ký ban hành quyết định nêu trên là đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Xác định tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10651/QĐ-XPVPHC ngày 05/8/2021:

Quá trình kê khai đăng ký, quản lý, sử dụng một phần thửa đất số 750, tờ bản đồ số 17 (bản đồ VN-2000), phường H thì hồ sơ địa chính năm 1983, phần diện tích đất bà Nguyễn Thị N đề nghị cấp GCNQSDĐ, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất không đo đạc, giải thửa, thể hiện đất đồi núi. Theo hồ sơ địa chính năm 1997 thì phần diện tích đất trên thể hiện tại một phần thửa đất số 358A, tờ bản đồ số 07, diện tích 4.300m<sup>2</sup>, loại đất hoang (H), sổ mục kê ghi: UBND xã quản lý.

Theo báo cáo của UBND phường H: Một phần thửa đất số 750, tờ bản đồ số 17 (bản đồ VN-2000) có nguồn gốc trước đây do cha mẹ bà Nguyễn Thị N canh tác trồng khoai mỳ, khoai lang đến năm 1979 Lâm trường Hoài Nhơn trồng cây Điều trên đất tại khu vực có tục danh Gò Cốc nhưng Lâm trường H2 bàn giao lại đất cho Hợp tác xã N3 quản lý, cây Điều trên đất Hợp tác xã N3 sang nhượng lại từ Lâm trường H. Đến năm 1990-1991, Hợp tác xã N3 lập thủ tục thanh lý cây Điều trên đất do Hợp tác xã quản lý không hiệu quả và cần nguồn kinh phí để trả nợ đầu tư xây dựng cơ bản. Đến năm 1994 - 1995, tiến hành thanh lý cây Điều trên đất cho các hộ dân, ưu tiên cho các hộ gia đình có nguồn gốc đất trước đây. Khu vực nêu trên (trong đó có đất bà Nguyễn Thị N đang đề nghị cấp GCNQSDĐ) tại thời điểm năm 1993 là khu vực có độ dốc, canh tác không thuận lợi. Do đó, khi cần giao quyền thì vị trí nêu trên không đưa vào cân đối giao quyền cho các hộ gia đình, cá nhân mà do UBND xã H (nay là UBND phường H) quản lý. Thời điểm năm 1993, khu vực nêu trên chưa được đo đạc, giải thửa và còn tồn tại cây điều trên đất. Do đó, Hợp tác xã N3 mới thanh lý cây Điều trên đất cho các hộ dân.

Thời điểm năm 2009 - 2010, UBND tỉnh B thực hiện việc bồi thường phía tây tỉnh Bình Định (A - H) nay là đường H, khu vực nêu trên (trong đó có thửa đất bà Nguyễn Thị N đang đề nghị cấp GCNQSDĐ là đất do UBND xã H (nay là UBND phường H) quản lý. Do đó, chỉ bồi thường về cây cối, hoa màu trên đất, không bồi thường về đất do bà H1 (em bà N) kê khai nên bồi thường cây cối do bà H1 ký nhận tiền đền bù.

Quá trình giải quyết hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của bà Nguyễn Thị N và ông Bành Trọng Đ có đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ tại một phần thửa đất số 750 (ký hiệu thửa 1115), tờ bản đồ số 17 (bản đồ VN-2000), diện tích 1.087,9m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố P, phường H, đất trồng cây lâu năm. Nguồn gốc sử dụng đất là do bà tự kê khai đất UBND phường H quản lý, cha mẹ bà Nguyễn

Thị N chiếm sử dụng trước năm 1983. Đến năm 1983 tặng cho vợ chồng bà Nguyễn Thị N bằng miệng không có giấy tờ cho. Từ thời điểm năm 1983, vợ chồng bà tiếp tục chiếm đất để trồng cây lâu năm. Ngày 28/7/2021, UBND phường H làm việc với bà xác định nguồn gốc thửa đất mà hiện nay bà xin cấp GCN là do cha mẹ bà chiếm đất trồng cây lâu năm do UBND phường H quản lý trước năm 1983. Sau đó, tặng cho bà vào năm 1983 bằng miệng không có giấy tờ. Từ thời điểm năm 1983, vợ chồng bà tiếp tục chiếm phần diện tích 1.087,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm do UBND phường H quản lý tại một phần thửa đất số 750, tờ bản đồ số 17 (bản đồ VN-2000), phường H, để trồng cây lâu năm, sử dụng ổn định, không tranh chấp. Bà Nguyễn Thị N thống nhất việc đã thực hiện hành vi vi phạm nêu trên và thống nhất nộp phạt theo quy định của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Bà Nguyễn Thị N cho rằng thửa đất bà đề nghị cấp GCNQSDĐ có nguồn gốc chiếm đất do UBND phường H quản lý, đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 22 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai. Thực hiện Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, Văn bản số 1360/STNMT-TTRA ngày 06/6/2020 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và Văn bản số 357/UBND-STNMT ngày 21/7/2020 của UBND thị xã H về việc xử lý các hành vi lấn chiếm, sử dụng đất đai mục đích trên địa bàn thị xã. Ngày 29/7/2021, Chủ tịch UBND phường H lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị N về hành vi chiếm 1.087.9m<sup>2</sup> đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm) do UBND phường H quản lý tại một phần thửa đất số 750 (ký hiệu thửa 1115), tờ bản đồ số 17 (bản đồ VN-2000) để trồng cây lâu năm. Bà Nguyễn Thị N thống nhất với nội dung biên bản vi phạm hành chính trên.

Như vậy, một phần thửa đất số 750 (ký hiệu thửa 1115), tờ bản đồ số 17 (bản đồ VN-2000), diện tích 1.087,9m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố P, phường H do UBND phường H quản lý. Quá trình sử dụng cũng như tại thời điểm bà N bị lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính thì bà không có quyết định hay giấy tờ gì của cơ quan có thẩm quyền để xác nhận về quyền sử dụng diện tích đất trên, bà N cũng không được UBND phường H cho phép sử dụng diện tích đất này. Do vậy, hành vi chiếm đất của bà N đã vi phạm quy định tại điểm d khoản 1, khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

Do đó, Chủ tịch UBND thị xã H ban hành Quyết định số 10651/QĐ-XPVPHC ngày 05/8/2021 xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị N là đúng theo quy định tại Điều 57, Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và khoản 4 Điều 4, khoản 2 Điều 7, khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

[2.4] Do Quyết định xử phạt hành chính số 10651/QĐ-XPVPHC ngày 05/8/2021 của Chủ tịch UBND thị xã H đối với bà Nguyễn Thị N là đúng quy định của pháp luật, hành vi vi phạm về đất đai của bà N chưa được giải quyết xong, việc cấp GCNQSDĐ được xem xét khi phải có đủ các căn cứ, điều kiện

theo quy định của pháp luật, nên người khởi kiện đồng thời yêu cầu Tòa án hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và buộc UBND thị xã H cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 750 tờ bản đồ số 17 (bản đồ VN-2000), diện tích 1.087,9m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố P, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định cho bà Nguyễn Thị N là không có căn cứ, không phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ các nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm bác các nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10651/QĐ-XPVPHC ngày 05/8/2021 của Chủ tịch UBND thị xã H đối với bà Nguyễn Thị N và buộc UBND thị xã H cấp GCNQSDĐ về thửa đất số 750, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.087,9m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố P, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định cho bà Nguyễn Thị N là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại giai đoạn phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp thêm các tài liệu chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình, do đó Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo.

[3] Về án phí phúc thẩm hành chính: Bà Nguyễn Thị N thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn không phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2023/HC-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định

2. Về án phí phúc thẩm hành chính: Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, p. HCTP, Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phạm Văn Hợp**